

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 37 /2017/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về công khai một số nội dung ở bước quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C trọng điểm sử dụng vốn đầu tư công và các dự án nhạy cảm ảnh hưởng đến đời sống dân sinh không sử dụng vốn đầu tư công do nhà đầu tư thực hiện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 1 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Phòng chống tham nhũng số 55/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số 901/TTr-SKHĐT ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc ban hành quy định về công khai một số nội dung ở bước quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C trọng điểm sử dụng vốn đầu tư công và các dự án nhạy cảm ảnh hưởng đến đời sống dân sinh không sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn thành phố Đà Nẵng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công khai một số nội dung ở bước quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C

trọng điểm sử dụng vốn đầu tư công và các dự án nhạy cảm ảnh hưởng đến đời sống dân sinh không sử dụng vốn đầu tư công do nhà đầu tư thực hiện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 12 năm 2017.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với đơn vị chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án, nhà đầu tư; Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Sở quản lý chuyên ngành; UBND các quận, huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Đà Nẵng; Giám đốc Ban quản lý Khu công nghệ cao, Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất; Giám đốc các Ban QLDA ĐTXD chuyên ngành, Ban QLDA ĐTXD khu vực; Chủ tịch UBND các quận, huyện; đơn vị chủ đầu tư, quản lý dự án, nhà đầu tư; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Huỳnh Đức Thơ

QUY ĐỊNH

Về công khai một số nội dung ở bước quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C trọng điểm sử dụng vốn đầu tư công và các dự án nhạy cảm ảnh hưởng đến đời sống dân sinh không sử dụng vốn đầu tư công do nhà đầu tư thực hiện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 37 /2017/QĐ-UBND ngày 21 tháng năm 2017 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định:

- Công khai một số nội dung ở bước quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C trọng điểm sử dụng vốn đầu tư công.

- Công khai một số nội dung đối với các dự án nhạy cảm ảnh hưởng đến đời sống dân sinh không sử dụng vốn đầu tư công do nhà đầu tư thực hiện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, bao gồm các dự án thuộc ngành, lĩnh vực: Đền bù giải tỏa, tái định cư; Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản; Công nghiệp; Thương mại; Giao thông; Cấp điện, Cấp nước, thoát nước và xử lý rác thải, nước thải; Văn hóa; Thể thao; Du lịch; Y tế, dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm; Tài nguyên và Môi trường; Nhà ở.

2. Đối tượng áp dụng của Quy định này bao gồm: Các đơn vị chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án, nhà đầu tư; Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Sở quản lý chuyên ngành; Ban quản lý Khu công nghệ cao, Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất; Ban QLDA ĐTXD chuyên ngành, Ban QLDA ĐTXD khu vực; UBND các quận, huyện, xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan đến các dự án nêu tại Khoản 1 Điều này.

Điều 2. Mục tiêu thực hiện công khai

Thực hiện công khai một số nội dung ở bước quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C trọng điểm sử dụng vốn đầu tư công và các dự án nhạy cảm ảnh hưởng đến đời sống dân sinh không sử dụng vốn đầu tư công do nhà đầu tư thực hiện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nhằm nâng cao tính minh bạch, cung cấp thông tin dự án kịp thời đến cộng đồng dân cư, nhà thầu, nhà đầu tư, phát huy dân chủ và tăng cường công tác giám sát đầu tư của cộng đồng trong quá trình triển khai dự án,

thực hiện phòng, chống tham nhũng, đảm bảo các mục tiêu của dự án, đảm bảo hiệu quả, chất lượng công trình, an toàn môi trường, an toàn đời sống dân sinh xã hội,...

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai

1. Việc thực hiện công khai một số nội dung đối với các dự án nêu tại Khoản 1 Điều 1 nêu trên phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo Quy định này.

2. Thông tin được công khai tại các địa điểm thực hiện dự án và trên các trang thông tin điện tử theo Quy định này phải bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

Chương II

CÔNG KHAI MỘT SỐ NỘI DUNG Ở BƯỚC QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI DỰ ÁN NHÓM A, NHÓM B, NHÓM C TRỌNG ĐIỂM SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 4. Đơn vị thực hiện công khai

- Đơn vị quản lý dự án, đơn vị chủ đầu tư (trường hợp chưa có đơn vị quản lý dự án).
- Trung tâm Thông tin dịch vụ công thành phố.
- UBND các quận, huyện.

Điều 5. Nội dung công khai

1. Thực hiện công khai các nội dung sau (trừ nội dung có liên quan đến quốc phòng, an ninh, bí mật nhà nước):

- Tên dự án, nhóm dự án, loại và cấp công trình;
- Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng, địa điểm và phạm vi đầu tư;
- Tổng mức đầu tư dự án, thời gian thực hiện dự án, tiến độ thực hiện dự án, nguồn vốn thực hiện dự án;
- Tổng diện tích đất sử dụng, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất;
- Giải pháp thiết kế về kiến trúc, kết cấu chính của công trình xây dựng; Giải pháp về xây dựng, vật liệu chủ yếu được sử dụng; Phương án công nghệ, kỹ thuật và thiết bị được lựa chọn (nếu có);
- Đánh giá sơ bộ tác động môi trường; phương án bảo vệ môi trường (nếu có); Thông tin về nguồn thải, chất thải, xử lý chất thải (nếu có);
- Dự kiến phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có);
- Phương án kết nối hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài công trình, giải pháp phòng, chống cháy, nổ;

- Sơ bộ phương án tài chính của dự án gồm những nội dung: Cơ cấu nguồn vốn và phương án huy động; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án; các khoản chi; nguồn thu, giá, phí hàng hóa, dịch vụ; thời gian thu hồi vốn, lợi nhuận (đối với các dự án PPP có sử dụng vốn đầu tư công);

- Thông tin về đơn vị chủ đầu tư dự án, đơn vị quản lý dự án;
- Thông tin về đơn vị tư vấn lập dự án, khảo sát (nếu có);
- Thông tin đường dây nóng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân.

2. Một số nội dung công khai nêu tại Khoản 1 Điều này chưa có trong Quyết định chủ trương đầu tư, đơn vị quản lý dự án, đơn vị chủ đầu tư thực hiện công khai và phối hợp cung cấp thông tin qua Trung tâm Thông tin dịch vụ công thành phố, UBND các quận, huyện để kịp thời thực hiện công khai sau khi đảm bảo đầy đủ thông tin trong bước quyết định đầu tư dự án.

Điều 6. Hình thức công khai

1. Thực hiện công khai trên website chính thức của đơn vị quản lý dự án, đơn vị chủ đầu tư (trường hợp chưa có đơn vị quản lý dự án) và website của Trung tâm Thông tin dịch vụ công thành phố đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi có thông tin mới hoặc điều chỉnh.

2. Niêm yết công khai tại địa điểm thực hiện dự án đảm bảo thuận tiện cho việc giám sát đầu tư của cộng đồng, đồng thời phổ biến trong các buổi họp tổ dân phố tại khu vực thực hiện dự án.

3. Cung cấp, trả lời các thông tin thuộc phạm vi quản lý khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Thời điểm công khai

1. Đối với hình thức công khai quy định tại Khoản 1 Điều 6, đơn vị quản lý dự án, đơn vị chủ đầu tư (trường hợp chưa có đơn vị quản lý dự án), Trung tâm Thông tin dịch vụ công thành phố thực hiện công khai trong thời hạn 15 ngày kể từ khi dự án có Quyết định chủ trương đầu tư (Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đối với dự án nhóm A) được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện cập nhật khi có thông tin mới hoặc điều chỉnh.

2. Đối với hình thức công khai quy định tại Khoản 2 Điều 6, đơn vị quản lý dự án, đơn vị chủ đầu tư (trường hợp chưa có đơn vị quản lý dự án) thực hiện niêm yết công khai tại địa điểm thực hiện dự án trong thời hạn 15 ngày kể từ khi dự án có Quyết định chủ trương đầu tư (Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đối với dự án nhóm A) được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện cập nhật khi có thông tin mới hoặc điều chỉnh; UBND các quận, huyện chủ trì, chỉ đạo các phường, xã triển khai phổ biến trong các buổi họp tổ dân phố tại khu vực thực hiện dự án trong thời hạn 30 ngày kể từ khi dự án có Quyết định chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đối với dự án nhóm A) và phổ biến lại khi có thông tin mới hoặc điều chỉnh.

3. Trong thời hạn 10 ngày (đối với hình thức công khai quy định tại Khoản 1 Điều 6) và 20 ngày (đối với hình thức công khai quy định tại Khoản 2 Điều 6) kể từ khi dự án có Quyết định chủ trương đầu tư (Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đối với dự án nhóm A) được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị quản lý dự án, đơn vị chủ đầu tư (trường hợp chưa có đơn vị quản lý dự án) có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Thông tin dịch vụ công thành phố, UBND các quận, huyện cung cấp kịp thời nội dung cần công khai tại Khoản 1 Điều 5 để đảm bảo thông tin được công khai kịp thời, đúng tiến độ.

4. Đối với các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 6, đơn vị chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện cung cấp, trả lời các thông tin thuộc phạm vi quản lý của mình trong thời hạn 5 ngày khi có yêu cầu cung cấp, trả lời các thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

5. Việc công khai theo hình thức quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 6 được thực hiện trong suốt quá trình thực hiện dự án và kết thúc sau khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

Chương III

CÔNG KHAI MỘT SỐ NỘI DUNG Ở BƯỚC QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, ĐỀ XUẤT DỰ ÁN, CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN NHẠY CẢM ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỜI SỐNG DÂN SINH KHÔNG SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG DO NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN

Điều 8. Đơn vị thực hiện công khai

- Đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)).

- Nhà đầu tư, chủ đầu tư thực hiện dự án.
- Trung tâm Thông tin dịch vụ công thành phố.
- UBND các quận, huyện.

Điều 9. Nội dung công khai

1. Thực hiện công khai cụ thể như sau:

a) Đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư

Sau khi dự án được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư; nhà đầu tư thực hiện công khai và phối hợp với Trung tâm Thông tin dịch vụ công thành phố, UBND các quận, huyện thực hiện công khai các nội dung sau:

- Tên dự án, nhóm dự án, loại và cấp công trình;
- Mục tiêu, quy mô, vốn đầu tư của dự án, thời hạn thực hiện dự án;

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư;
- Tổng diện tích đất sử dụng, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất;
- Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện từng giai đoạn đối với dự án đầu tư có nhiều giai đoạn;
- Công nghệ áp dụng;
- Đánh giá sơ bộ tác động môi trường; phương án bảo vệ môi trường (nếu có); Thông tin về nguồn thải, chất thải, xử lý chất thải (nếu có);
- Dự kiến phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư (nếu có);
- Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có);
- Thời hạn hiệu lực của quyết định chủ trương đầu tư.
- Thông tin về nhà đầu tư dự án;
- Thông tin về đơn vị tư vấn lập dự án, khảo sát (nếu có);
- Thông tin đường dây nóng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân.

b) Đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án xây dựng nhà ở không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư theo Luật đầu tư)

Sau khi dự án được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư; nhà đầu tư thực hiện công khai và phối hợp với Trung tâm Thông tin dịch vụ công thành phố, UBND các quận, huyện thực hiện công khai các nội dung sau:

- Tên dự án, loại và cấp công trình;
- Địa điểm, ranh giới, quy mô diện tích đất của dự án; nếu có sử dụng diện tích đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng thì phải nêu rõ diện tích được chuyển đổi mục đích sử dụng;
- Mục tiêu của dự án; hình thức đầu tư;
- Nội dung chính của dự án (công việc thực hiện, số lượng từng loại nhà ở cần đầu tư xây dựng, tổng diện tích sàn xây dựng nhà ở, phương án triển khai thực hiện);
- Tổng mức đầu tư; nguồn vốn đầu tư;
- Phương thức giao đất, cho thuê đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất (nếu có); diện tích đất dành cho xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê; diện tích sàn xây dựng nhà ở phải dành để cho thuê;
- Các công trình hạ tầng chủ đầu tư được quản lý hoặc phải chuyển giao cho Nhà nước sau khi hoàn thành việc xây dựng;
- Thời gian và tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư (nếu có);

- Các cơ chế hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước đối với dự án và điều kiện áp dụng (nếu có); trách nhiệm của chủ đầu tư, của chính quyền địa phương trong việc thực hiện dự án;

- Thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư;

- Đánh giá sơ bộ tác động môi trường; phương án bảo vệ môi trường (nếu có); Thông tin về nguồn thải, chất thải, xử lý chất thải (nếu có);

- Thông tin về nhà đầu tư dự án;

- Thông tin về đơn vị tư vấn thiết kế, khảo sát (nếu có);

- Thông tin đường dây nóng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân.

c) Đối với dự án thuộc diện phê duyệt đề xuất dự án đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)

Sau khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề xuất dự án; đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện công khai và phối hợp với Trung tâm Thông tin dịch vụ công thành phố, UBND các quận, huyện thực hiện công khai các nội dung sau:

- Tên dự án, nhóm dự án, loại và cấp công trình;

- Địa điểm xây dựng, phạm vi, vị trí thực hiện dự án;

- Mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, nhu cầu sử dụng đất và nguồn tài nguyên, những lợi thế của việc thực hiện dự án so với hình thức đầu tư khác; loại hợp đồng dự án;

- Yêu cầu về kỹ thuật, tiêu chuẩn, chất lượng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp;

- Dự kiến tiến độ, thời hạn thực hiện dự án; thời gian xây dựng, khai thác công trình; phương án tổ chức quản lý, kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ;

- Dự kiến phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư;

- Dự kiến điều kiện thực hiện Dự án khác (đối với dự án thực hiện theo hợp đồng BT);

- Sơ bộ phương án tài chính của dự án gồm những nội dung: Tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn và phương án huy động; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án (nếu có); các khoản chi; nguồn thu, giá, phí hàng hóa, dịch vụ; thời gian thu hồi vốn, lợi nhuận;

- Dự kiến sơ bộ rủi ro trong quá trình thực hiện dự án và phân chia rủi ro giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư;

- Đề xuất các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư (nếu có);

- Dự kiến sơ bộ hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; ảnh hưởng của dự án đối với môi trường, xã hội và quốc phòng, an ninh;

- Đánh giá sơ bộ tác động môi trường; phương án bảo vệ môi trường (nếu có); Thông tin về nguồn thải, chất thải, xử lý chất thải (nếu có);

- Thông tin về đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Thông tin về đơn vị tư vấn thiết kế, khảo sát (nếu có);
- Thông tin đường dây nóng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân.

d) Đối với dự án thuộc diện chỉ thực hiện thủ tục cấp Giấy phép xây dựng

Sau khi dự án được cấp có thẩm quyền cấp Giấy phép xây dựng; nhà đầu tư thực hiện công khai và phối hợp với Trung tâm Thông tin dịch vụ công thành phố, UBND các quận, huyện thực hiện công khai các nội dung sau:

- Tên dự án, loại và cấp công trình;
- Địa điểm xây dựng, phạm vi, vị trí thực hiện dự án;
- Mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, tổng mức đầu tư, tiến độ thực hiện dự án;
- Tổng diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng (nếu có), mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất;
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng;
- Giải pháp thiết kế về kiến trúc, kết cấu chính của công trình xây dựng; Giải pháp về xây dựng, vật liệu chủ yếu được sử dụng; Phương án công nghệ, kỹ thuật và thiết bị được lựa chọn (nếu có);
- Đánh giá sơ bộ tác động môi trường; phương án bảo vệ môi trường (nếu có); Thông tin về nguồn thải, chất thải, xử lý chất thải (nếu có);
- Thông tin về nhà đầu tư, chủ đầu tư dự án;
- Thông tin về đơn vị tư vấn thiết kế, khảo sát (nếu có);
- Thông tin đường dây nóng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân.

2. Một số nội dung công khai nêu tại Khoản 1 Điều này chưa có trong Quyết định chủ trương đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, đề xuất dự án, giấy phép xây dựng; nhà đầu tư, đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện công khai và phối hợp cung cấp thông tin qua Trung tâm Thông tin dịch vụ công thành phố, UBND các quận, huyện để công khai sau khi đảm bảo đầy đủ thông tin trong các bước sau.

Điều 10. Hình thức công khai

1. Thực hiện công khai trên website chính thức của nhà đầu tư, đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)) và website của Trung tâm Thông tin dịch vụ công thành phố đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi có thông tin mới hoặc điều chỉnh.

2. Niêm yết công khai tại địa điểm thực hiện dự án đảm bảo thuận tiện cho việc giám sát đầu tư của cộng đồng, đồng thời phổ biến trong các buổi họp tổ dân phố tại khu vực thực hiện dự án.

3. Cung cấp, trả lời các thông tin thuộc phạm vi quản lý khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Thời điểm công khai

1. Đối với hình thức công khai quy định tại Khoản 1 Điều 10, nhà đầu tư, đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Trung tâm Thông tin dịch vụ công thành phố thực hiện công khai trong thời hạn 15 ngày kể từ khi dự án có Quyết định chủ trương đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt đề xuất dự án, giấy phép xây dựng và thực hiện cập nhật khi có thông tin mới hoặc điều chỉnh.

2. Đối với hình thức công khai quy định tại Khoản 2 Điều 10, nhà đầu tư, đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện niêm yết công khai tại địa điểm thực hiện dự án trong thời hạn 15 ngày kể từ khi dự án có Quyết định chủ trương đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt đề xuất dự án, giấy phép xây dựng và thực hiện cập nhật khi có thông tin mới hoặc điều chỉnh; UBND các quận, huyện chủ trì, chỉ đạo các phường, xã triển khai phổ biến trong các buổi họp tổ dân phố tại khu vực thực hiện dự án trong thời hạn 30 ngày kể từ khi dự án có Quyết định chủ trương đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt đề xuất dự án, giấy phép xây dựng và thực hiện cập nhật khi có thông tin mới hoặc điều chỉnh.

3. Trong thời hạn 10 ngày (đối với hình thức công khai quy định tại Khoản 1 Điều 10) và 20 ngày (đối với hình thức công khai quy định tại Khoản 2 Điều 10) kể từ khi dự án có Quyết định chủ trương đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt đề xuất dự án, giấy phép xây dựng; Nhà đầu tư, đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Thông tin dịch vụ công thành phố, UBND các quận, huyện cung cấp kịp thời nội dung cần công khai tại Khoản 1 Điều 9 để đảm bảo thông tin được công khai kịp thời, đúng tiến độ.

4. Đối với các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 10, Nhà đầu tư, đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện cung cấp, trả lời các thông tin thuộc phạm vi quản lý của mình trong thời hạn 5 ngày khi có yêu cầu cung cấp, trả lời các thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

5. Việc công khai theo hình thức quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 điều 10 được thực hiện trong suốt quá trình thực hiện dự án và kết thúc sau khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của đơn vị chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án, nhà đầu tư, đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Trung tâm Thông tin dịch vụ công thành phố

1. Chủ đầu tư dự án, đơn vị quản lý dự án, nhà đầu tư, đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền

a) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy định này; chủ động phối hợp với Trung tâm Thông tin dịch vụ

công thành phố để cung cấp kịp thời nội dung cần công khai quy định tại Khoản 1 Điều 5 và Khoản 1 Điều 9 để Trung tâm Thông tin dịch vụ công thành phố thực hiện công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị.

b) Định kỳ hằng năm (trước ngày 10/01 năm sau) báo cáo kết quả thực hiện công khai các dự án theo Quy định này gửi UBND thành phố, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Sở quản lý chuyên ngành, Ban quản lý Khu công nghệ cao, Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất liên quan dự án để theo dõi, giám sát.

c) Triển khai kịp thời việc cung cấp, trả lời các thông tin thuộc phạm vi quản lý khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện nội dung giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm Thông tin dịch vụ công thành phố

a) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc công khai bảo đảm các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy định này sau khi được các cơ quan, đơn vị liên quan cung cấp nội dung cần công khai.

b) Chủ động phối hợp với đơn vị chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án, nhà đầu tư, đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc cung cấp thông tin cần công khai khi các cơ quan, đơn vị cung cấp chậm trễ các nội dung công khai.

c) Định kỳ hằng năm (trước ngày 10/01 năm sau) báo cáo kết quả thực hiện công khai các dự án theo Quy định này gửi UBND thành phố, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Sở quản lý chuyên ngành liên quan dự án để theo dõi, giám sát.

Điều 13. Trách nhiệm của các Sở, ngành, Ban quản lý Khu công nghệ cao, Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất, UBND các quận, huyện và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chỉ đạo, hướng dẫn đơn vị chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án, nhà đầu tư và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện việc công khai theo quy định tại Quy định này; Hướng dẫn, yêu cầu đơn vị chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án, nhà đầu tư, đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền triển khai thực hiện nội dung công khai tại các văn bản liên quan do đơn vị tham mưu trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, trình duyệt đề xuất dự án làm cơ sở thực hiện công khai theo Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

c) Cung cấp, trả lời các thông tin thuộc phạm vi quản lý ngành khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

đ) Định kỳ hằng năm (trước ngày 31/01 năm sau) báo cáo kết quả thực hiện công khai các dự án (thuộc chức năng tham mưu của Sở) theo Quy định này gửi UBND thành phố, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam để theo dõi, giám sát.

2. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Sở quản lý chuyên ngành, Ban quản lý Khu công nghệ cao, Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền đối với các dự án thuộc lĩnh vực chuyên ngành, lĩnh vực ngành có liên quan. Hướng dẫn, yêu cầu đơn vị chủ đầu tư, nhà đầu tư triển khai thực hiện nội dung công khai tại các văn bản liên quan do đơn vị tham mưu trình cấp có thẩm quyền (cấp Giấy phép xây dựng, Quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đầu tư) làm cơ sở thực hiện công khai theo Quy định này.

b) Cung cấp, trả lời các thông tin thuộc phạm vi quản lý ngành khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

đ) Định kỳ hằng năm (trước ngày 31/01 năm sau) báo cáo kết quả thực hiện công khai các dự án (thuộc chức năng tham mưu của đơn vị) theo Quy định này gửi UBND thành phố, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam để theo dõi, giám sát.

3. UBND các quận, huyện:

a) Phối hợp với các đơn vị chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án, nhà đầu tư, đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc cung cấp kịp thời nội dung cần công khai tại Khoản 1 Điều 5 và Khoản 1 Điều 9 để chỉ đạo các phường, xã tại khu vực thực hiện dự án triển khai phổ biến kịp thời nội dung công khai trong các buổi họp tổ dân phố.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền đối với các dự án thuộc địa bàn địa phương quản lý.

c) Cung cấp, trả lời các thông tin thuộc phạm vi quản lý của địa phương khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

đ) Định kỳ hằng năm (trước ngày 31/01 năm sau) báo cáo kết quả thực hiện công khai các dự án theo Quy định này gửi UBND thành phố, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam để theo dõi, giám sát.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

Tăng cường công tác giám sát đầu tư của cộng đồng; giám sát chặt chẽ đơn vị chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án, nhà đầu tư và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện việc công khai theo quy định tại Quy định này và quy định pháp luật về giám sát đầu tư của cộng đồng; Kiến nghị các cấp có thẩm quyền đình chỉ thực hiện đầu tư, đình chỉ thi công công trình nếu không thực hiện công khai thông tin về dự án theo Quy định này và quy định của pháp luật về giám sát đầu tư của cộng đồng.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Việc thực hiện công khai thông tin đối với các dự án đầu tư khác không được quy định trong văn bản này được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Trong trường hợp các văn bản pháp luật có liên quan của cơ quan nhà nước cấp trên quy định khác với nội dung Quy định này thì thực hiện theo quy định tại các văn bản đó.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc phát sinh thì các tổ chức, cá nhân liên quan có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, tham mưu UBND thành phố xem xét, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp tình hình thực tế./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Đức Thơ